TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22/8/2025
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: **Bà Lê Thị Hồng Tâm**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Rạng Đông

2. Bà Nguyễn Thị Thu Ba

Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Yến** – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-An Giang: **Ông Trần Quốc Toãn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 –An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, về việc: "***Xin ly hôn và nuôi con chung***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST–HNGĐ, ngày 30/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1981. CCCD số 091181003466, cấp ngày 18/10/2022. SĐT 0969532050

Địa chỉ: Khu phố E, A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là Khu phố E, đặc khu P, tỉnh An Giang)

*** Bị đơn**: Ông Huỳnh Văn X1, sinh năm 1981. CMND số 381452105. SĐT 0987738329

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (nay là Tổ A, khu phố B, đặc khu P, tỉnh An Giang)

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Năm 2007 bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Văn X1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình 02 bên chấp thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã T, tỉnh Cà Mau) ngày 27/03/2008. Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung là Huỳnh Văn H, sinh ngày 11/08/2008; Huỳnh Văn C, sinh ngày 19/10/2010. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, không phù hợp nhau về tính cách, ông X1 không quan tâm chăm sóc vợ con, không chí thú làm ăn để cùng bà lo cho cuộc sống gia đình, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, năm 2024 bà X1 có nộp đơn yêu cầu ly hôn, được Toà án hoà giải đoàn tụ, ông X1 hứa sữa đổi tính tình nhưng sau khi quay về đoàn tụ, ông không sữa đổi tính tình mà ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được bà không còn tình thương với ông X1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn X1.

- Về con chung: Tuỳ theo nguyện vọng của 02 con muốn sống với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Vợ, chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ, chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ, chồng nên không yêu cầu Toà án giả quyết.

***** Bị đơn ông Huỳnh Văn X1 có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 05/03/2025 như sau: Ông và bà Nguyễn Thị X tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp nhận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã T, tỉnh Cà Mau) ngày 27/03/2008. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhỏ với nhau, thỉnh thoảng ông đi nhậu với bạn về có nói chuyện lớn tiếng, ông thấy mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, ông còn thương vợ con, muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Năm 2024 bà X nộp đơn ly hôn và được Toà án hoà giải, ông xin thời gian 06 tháng để sữa đổi tính tình nhưng sau khi về thì bà X về nhà

mẹ ruột sống từ đó đến nay, ông không có cơ hội để nói chuyện hàn gắn tình cảm với bà X.

Về con chung: Có 02 người con chung Huỳnh Văn H, sinh ngày 11/08/2008; Huỳnh Văn C, sinh ngày 19/10/2010, tuỳ theo nguyện vọng của con muốn theo cha hoặc theo mẹ thì người đó chịu trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, bên còn lại không cấp dưỡng nuôi con. Nếu con sống với mẹ thì ông đồng ý và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Con chung Huỳnh Văn C trình bày tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/3/2025: Nguyện vọng của cháu C được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

* Con chung Huỳnh Văn H trình bày tại bản tự khai ngày 05/3/2025: Nguyện vọng của cháu H được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu phố 2-An Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng xét xử cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Huỳnh Văn X1. Về con chung: Xét thấy Huỳnh Văn H và Huỳnh Văn C có nguyện được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn và ông X1 cũng đồng ý. Phù hợp với nguyện vọng của các con được tiếp tục sống với mẹ do từ khi ông, bà sống ly thân các con trực tiếp sống cùng với bà X1. Do đó, quyết định giao con chung Huỳnh Văn H và Huỳnh Văn C cho bà X1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về nghĩa

vụ cấp dưỡng bà X1 không yêu cầu đề nghị miễn xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Văn X1 xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Vũ Q và chị Huỳnh Thị Cẩm L là đương sự trong vụ án, nhưng tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Q, chị L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Vũ Q và chị Huỳnh Thị C1 Liên kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D ngày 05/11/2012 là hôn nhân hợp pháp quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Vũ Q và chị Huỳnh Thị Cẩm L xác định khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Q và anh Q cũng thống nhất ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghị cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q.

[3]. Về con chung: Anh Q và chị L có với nhau 02 người con chung là cháu Võ Huỳnh Yến N, sinh ngày 17/4/2012; Võ Huỳnh Trung T, sinh ngày 02/01/2014 anh Q nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu T đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), chị L cũng thống nhất giao 02 con cho anh Q nuôi dưỡng, và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu T được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung cháu Võ Huỳnh Yến N, sinh ngày 17/4/2012; Võ Huỳnh Trung T, sinh ngày 02/01/2014 cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu. HĐXX miễn xét.

Chị L có quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chị L, anh Q có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q chị L xác nhận không có không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Cẩm L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35,147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm L được ly hôn với anh Võ Vũ Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Võ Huỳnh Yến N, sinh ngày 17/4/2012; Võ Huỳnh Trung T, sinh ngày 02/01/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu. HĐXX miễn xét.

Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của các con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q chị L xác nhận không có không yêu cầu giải quyết, HĐXX miễn xét.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Cẩm L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, theo biên lai thu số 0009530 ngày 10/10/2023.

Anh Võ Vũ Q không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị L, anh Q vắng mặt tại phiên Tòa nên được quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS thành phố Phú Quốc;
- THA thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- UBND phường Dương Đông;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Hồng Tâm